BIỂU TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-MNHS ngày tháng năm 2016)

1. Trình độ chuyên môn, lý luận chính trị:

Năm	Đối tượng	Tổng số	Đảng viên		Trình độ chuyên môn				Trình độ lý luận chính trị					
					Đạt chuẩn đào tạo		Trên chuẩn đào tạo		Trung cấp		Cao cấp		Cử nhân	
			Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
2021	CBQL	3	3	100%	3	100%	3	100%	3	100%				
	GV	37	13	35%	4	11%	33	89%	1	3%				
2022	CBQL	3	3	100%	3	100%	3	100%	3	100%				
	GV	37	15	41%	2	5%	35	95%	2	5%				
2023	CBQL	3	3	100%	3	100%	3	100%	3	100%				
	GV	40	17	43%	1	2,5%	39	97,5%	2	5%				
2024	CBQL	3	3	100%	3	100%	3	100%	3	100%				
	GV	40	18	45%	0	0%	40	100%	3	7,5%				
2025	CBQL	3	3	100%	3	100%	3	100%	3	100%				
	GV	40	19	47,5%	0	0%	40	100%	4	10%				
2026	CBQL	3	3	100%	3	100%	3	100%	3	100%				
	GV	40	20	50%	0	0%	40	100%	4	10%				

2. Trình độ ngoại ngữ, tin học:

Năm	Đối tượng	Tổng số	Trình độ ngoại ngữ								Trình độ tin học					
			Không có CC		Trình độ A/A1		Trình độ B/A2		Trình độ C/B1		Không có CC		Trình độ A		Trình độ B	
			SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
2021	CBQL	03					3	100%					1	33%	2	67%
	GV	37			2	5%	35	95%			2	5%	35	95%	2	5%
2022	CBQL	03					2	67%	1	33%			1	33%	2	67%
	GV	37			1	3%	36	97%			1	3%	36	97%	1	3%
2023	CBQL	03					2	67%	1	33%			1	33%	2	67%
	GV	40			1	2,5%	39	97,5%			1	2,5%	39	97,5%	1	2,5%
2024	CBQL	03					2	67%	1	33%			1	33%	2	67%
	GV	40			1	2,5%	39	97,5%			1	2,5%	39	97,5%	1	2,5%
2025	CBQL	03					2	67%	1	33%			1	33%	2	67%
	GV	40					40	100%					40	100%		
2026	CBQL	03					2	67%	1	33%			1	33%	2	67%
	GV	40					40	100%					40	100%		

NGƯỜI LẬP BIỂU **HIỆU TRƯỞNG**

Âu Thị Lệ Trang **Nguyễn Thị Thu Trang**

BIỂU TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-MNHS ngày tháng năm 2016)

1. Trình độ chuyên môn, lý luận chính trị:

Năm	Đối tượng	Tổng số	Đảng viên		Trình độ chuyên môn				Trình độ lý luận chính trị					
					Đạt chuẩn đào tạo		Trên chuẩn đào tạo		Trung cấp		Cao cấp		Cử nhân	
			Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
2021	CBQL	3	3	100%	3	100%	3	100%	3	100%				
	GV	37	13	35%	4	11%	33	89%	1	3%				
2022	CBQL	3	3	100%	3	100%	3	100%	3	100%				
	GV	37	15	41%	2	5%	35	95%	2	5%				
2023	CBQL	3	3	100%	3	100%	3	100%	3	100%				
	GV	40	17	43%	1	2,5%	39	97,5%	2	5%				
2024	CBQL	3	3	100%	3	100%	3	100%	3	100%				
	GV	40	18	45%	0	0%	40	100%	3	7,5%				
2025	CBQL	3	3	100%	3	100%	3	100%	3	100%				
	GV	40	19	47,5%	0	0%	40	100%	4	10%				
2026	CBQL	3	3	100%	3	100%	3	100%	3	100%				
	GV	40	20	50%	0	0%	40	100%	4	10%				

2. Trình độ ngoại ngữ, tin học:

Năm	Đối tượng	Tổng số	Trình độ ngoại ngữ								Trình độ tin học					
			Không có CC		Trình độ A/A1		Trình độ B/A2		Trình độ C/B1		Không có CC		Trình độ A		Trình độ B	
			SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
2021	CBQL	03					3	100%					1	33%	2	67%
	GV	37			2	5%	35	95%			2	5%	35	95%	2	5%
2022	CBQL	03					2	67%	1	33%			1	33%	2	67%
	GV	37			1	3%	36	97%			1	3%	36	97%	1	3%
2023	CBQL	03					2	67%	1	33%			1	33%	2	67%
	GV	40			1	2,5%	39	97,5%			1	2,5%	39	97,5%	1	2,5%
2024	CBQL	03					2	67%	1	33%			1	33%	2	67%
	GV	40			1	2,5%	39	97,5%			1	2,5%	39	97,5%	1	2,5%
2025	CBQL	03					2	67%	1	33%			1	33%	2	67%
	GV	40					40	100%					40	100%		
2026	CBQL	03					2	67%	1	33%			1	33%	2	67%
	GV	40					40	100%					40	100%		

NGƯỜI LẬP BIỂU **HIỆU TRƯỞNG**

Âu Thị Lệ Trang **Nguyễn Thị Thu Trang**